

UBND TỈNH NAM ĐỊNH  
SỞ NỘI VỤ

Số: /SNV-XDCQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày tháng 8 năm 2022

V/v hướng dẫn thực hiện, lập hồ sơ  
căn cứ chứng minh và đánh giá mức  
đạt các Bộ tiêu chí xã NTM, xã  
NTM nâng cao, huyện NTM giai  
đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện và thành phố Nam Định.

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 598/UBND-VP3 ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phân công hướng dẫn thực hiện, lập căn cứ chứng minh và đánh giá mức đạt các Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025;

Được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ, Sở Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện, lập hồ sơ căn cứ chứng minh và thẩm định mức đạt các Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

**I. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 thuộc Phụ lục I, Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

**Tiêu chí số 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn**

+ Đối với cán bộ cấp xã đạt chuẩn: Phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

+ Đối với công chức xã đạt chuẩn: Phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày

05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ) và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

**Tiêu chí số 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên**

+ Đảng bộ cấp xã được Đảng bộ cấp huyện đánh giá, xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên” trước năm xét công nhận;

+ Chính quyền cấp xã được UBND cấp huyện công nhận đạt danh hiệu “Chính quyền cơ sở vững mạnh” trước năm xét công nhận;

**Tiêu chí số 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên**

Các tổ chức chính trị - xã hội của cấp xã được các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đánh giá, xếp loại chất lượng “Tiên tiến” hoặc “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên trước năm xét công nhận.

**Tiêu chí số 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định**

Ban hành theo Hướng dẫn số 01/HD-STP ngày 23/5/2017 của Sở Tư pháp về hướng dẫn đánh giá kết quả xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cụ thể như sau:

**1. Điều kiện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện theo quy định của khoản 1 Điều 6 Quy định về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quy định), cụ thể:

- Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa;
- Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III;
- Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Quy định đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên;
- Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

**2. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

**3. Thời điểm được tính để đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí:**

Tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

#### **4. Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.**

##### **4.1. Phân công theo dõi, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật.**

Căn cứ vào nhiệm vụ của công chức xã, phường và điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn phân công công chức chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm đối với các chỉ tiêu, tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định.

##### **4.2. Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.**

###### **4.2.1. UBND xã tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật**

- Công chức xã, phường tự chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí được giao theo dõi gửi kết quả đến công chức Tư pháp - Hộ tịch.

- Trên cơ sở kết quả tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (theo Mẫu số 01-TCPL-II) và Kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân thực hiện thủ tục hành chính (theo mẫu số 03-TCPL-II), Công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp, xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của UBND cấp xã (theo mẫu số 04) trình Chủ tịch UBND cấp xã.

- Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Cuộc họp có sự tham gia của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tham dự.

Trường hợp xét thấy đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Phòng Tư pháp huyện trước ngày 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

- Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm các tài liệu:

- + Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân xã;
- + Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm;
- + Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;
- + Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;
- + Tài liệu khác (nếu có).

###### **4.2.2. Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tham mưu Chủ tịch UBND huyện, thành phố tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND huyện, thành phố yêu cầu Chủ tịch UBND cấp xã giải trình, bổ sung hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Chủ tịch UBND huyện, thành phố tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật (Biên bản họp theo mẫu 06-TCPL-II).

- Căn cứ kết quả họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp cấp huyện lập danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (theo mẫu số 07-TCPL-II), danh sách xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (theo mẫu số 08-TCPL-II) và đề xuất các giải pháp trình Chủ tịch UBND cùng cấp trước ngày 25/01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

- Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (theo mẫu số 09-TCPL-II) trước ngày 25/01 của năm liền kề sau năm đánh giá; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn trên địa bàn.

### **4.3. Niêm yết kết quả đánh giá, công bố xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Việc niêm yết công khai kết quả tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu của UBND cấp xã và công bố danh sách xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của UBND huyện, tỉnh được thực hiện theo quy định của Điều 8 Quy định.

## **II. Hành chính công (Tiêu chí số 15.1, 15.3 thuộc Phụ lục số II, Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

### **15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính**

#### **15.1.1. Công khai TTHC trên môi trường điện tử**

100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã phải được niêm yết công khai và thường xuyên cập nhật, bổ sung theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

#### **15.1.2. Công khai thành phần, quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC**

Áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

#### **15.1.3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4**

+ Cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện ở mức độ 4 trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

+ Tỷ lệ Hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ, giai đoạn 2021-2025 đạt trên 60%.

#### **15.1.4. Thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC**

Triển khai thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC.

#### **15.1.5. Số hóa TTHC và trả kết quả TTHC bằng văn bản điện tử**

- Thực hiện việc số hóa kết quả TTHC còn hiệu lực đạt tối thiểu 15% năm 2021; trong giai đoạn 2021-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Triển khai việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp từ ngày 01/6/2023 đối với TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận của Bộ phận một cửa cấp xã.

### **15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp**

15.3.1. Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

15.3.2. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ/CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

**15.3.3. Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính** trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị

quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

15.3.4. Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

15.3.5. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.

15.3.6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

**III. Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công (Tiêu chí số 9.1, 9.2, 9.3 thuộc Phụ lục số I, Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

**9.1. Đảng bộ, chính quyền cấp huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên**

+ Đảng bộ, Chính quyền cấp huyện được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên” trước năm xét công nhận;

**9.2. Tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên**

Các tổ chức chính trị - xã hội của cấp huyện được các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng “Tiên tiến” hoặc “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên trước năm xét công nhận.

**9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự**

Trong 02 năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM, trên địa bàn huyện không có công chức thuộc huyện quản lý giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Hướng dẫn của Sở Nội vụ về thực hiện, đánh giá mức đạt các Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Xây dựng chính quyền) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDCQ (TVQ 01 bản).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lại Văn Hiếu**